

## BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2007/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2007

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề,  
chương trình khung trình độ cao đẳng nghề (105)**

### BỘ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2003/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 139/2006/NĐ-CP ngày 20/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục và Bộ luật Lao động về dạy nghề;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; các

chương trình dạy nghề được xây dựng theo Quyết định số 212/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 27 tháng 02 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định nguyên tắc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình dạy nghề đang áp dụng giảng dạy cho học sinh học nghề dài hạn tuyển sinh trước ngày 30 tháng 6 năm 2007 được triển khai đến hết khóa học.

**Điều 3.** Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Người đứng đầu cơ quan Trung

ương các Tổ chức chính trị - xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề; Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, các trường trung cấp nghề và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Hằng



## QUY ĐỊNH

### Về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH  
ngày 04/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1.** Phạm vi áp dụng

Văn bản này quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề (viết tắt là CTKTĐTCN), chương trình khung trình độ cao đẳng nghề (viết tắt là CTKTĐCĐN) và việc tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho từng nghề.

**Điều 2.** Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề quy định mục tiêu đào tạo; thời gian của khóa học, thời gian thực học tối thiểu; danh mục, thời gian của các môn học, mô-đun; tỷ lệ thời gian giữa lý thuyết và thực hành, nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng nghề bảo đảm mục tiêu đào tạo trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

**Điều 3.** Yêu cầu cơ bản của chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

1. Bảo đảm được mục tiêu dạy nghề.

2. Bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống, tính thực tiễn và linh hoạt đáp ứng sự thay đổi của kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động.

3. Phân bố hợp lý thời gian giữa các khối kiến thức, kỹ năng nghề và trình tự thực hiện các môn học, mô-đun để thực hiện mục tiêu đào tạo nghề có hiệu quả.

4. Bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ đào tạo nghề, đồng thời có tính đến liên thông với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Tiếp cận với trình độ đào tạo nghề tiên tiến của khu vực và thế giới.

**Điều 4.** Thời gian và phân bổ thời gian của khóa học

1. Thời gian của khóa học

a) Thời gian của khóa học trình độ trung cấp nghề được thực hiện ba năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung



học cơ sở; từ một đến hai năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

b) Thời gian của khóa học trình độ cao đẳng nghề được thực hiện từ hai đến ba năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông tùy theo nghề đào tạo và từ một năm rưỡi đến hai năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề.

## 2. Phân bổ thời gian của khóa học

Thời gian khóa học được tính bằng tuần và phân bổ như sau:

a) Thời gian học tập bao gồm: Thời gian thực học và thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp;

b) Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: Thời gian khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; nghỉ hè, nghỉ lễ, tết, lao động, dự phòng.

### **Điều 5.** Thời gian thực học tối thiểu

1. Thời gian thực học tối thiểu là thời gian cần phải thực hiện để bảo đảm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt mục tiêu đào tạo của khóa học được tính bằng giờ.

2. Thời gian thực học tối thiểu bao gồm:

a) Thời gian dành cho khối kiến thức, kỹ năng nghề bắt buộc để thực hiện các môn học, mô-đun có nội dung kiến thức chung, kiến thức và kỹ năng

cốt lõi của nghề tùy theo trình độ đào tạo nghề;

b) Thời gian dành cho khối kiến thức, kỹ năng nghề tự chọn do các trường tự xây dựng để thực hiện các môn học, mô-đun đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của ngành hoặc theo vùng, miền.

## Chương II

### CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

#### Mục 1

### CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

#### **Điều 6.** Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo trình độ trung cấp nghề nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của một nghề, có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.



**Điều 7.** Thời gian và phân bổ thời gian của khóa học

1. Thời gian của khóa học trình độ trung cấp nghề đối với hệ tuyển sinh trung học phổ thông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quy định này. Phân bổ thời gian của khóa học được xác định theo quy định tại phụ lục 1.

2. Thời gian của khóa học trình độ trung cấp nghề đối với hệ tuyển sinh trung học cơ sở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quy định này. Phân bổ thời gian của khóa học: phân bổ thời gian các môn học chung, các môn học, mô-đun đào tạo nghề được xác định theo quy định tại phụ lục 1 và phân bổ thời gian học văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp.

**Điều 8.** Thời gian thực học tối thiểu

1. Thời gian thực học tối thiểu và phân bổ thời gian thực học tối thiểu cho các môn học chung, các môn học và mô-đun đào tạo nghề xác định theo quy định tại phụ lục 2.

2. Phân bổ thời gian cho các môn học và mô-đun đào tạo nghề được quy định như sau:

a) Thời gian dành cho các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm 75% - 85 %, dành cho các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn chiếm 15% - 25%;

b) Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm 15% - 35%, thực hành chiếm 65% - 85%.

## Mục 2

### CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

**Điều 9.** Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng nghề nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của một nghề; có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống kỹ thuật phức tạp trong thực tế; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

**Điều 10.** Thời gian và phân bổ thời gian của khóa học

1. Thời gian của khóa học trình độ cao đẳng nghề được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Quy định này.

2. Phân bổ thời gian trong khóa học được xác định theo quy định tại phụ lục 3.



**Điều 11.** Thời gian thực học tối thiểu

1. Thời gian thực học tối thiểu và phân bổ thời gian thực học tối thiểu cho các môn học chung và các môn học, mô-đun đào tạo nghề được xác định theo quy định tại phụ lục 4.

2. Phân bổ thời gian cho các môn học và mô-đun đào tạo nghề được quy định như sau:

a) Thời gian dành cho các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm 70% - 80 %; dành cho các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn chiếm 20% - 30%;

b) Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm 20% - 35%; Thực hành chiếm 65% - 80%.

## Chương III

**TỔ CHỨC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH  
VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH  
KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP  
NGHỀ VÀ CHƯƠNG TRÌNH KHUNG  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ  
CHO TỪNG NGHỀ**

**Điều 12.** Cấu trúc của chương trình khung trình độ trung cấp nghề và chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho từng nghề

1. Mục tiêu đào tạo.
2. Thời gian của khóa học và thời

gian thực học tối thiểu.

3. Danh mục các môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc; thời gian và phân bổ thời gian, đề cương chi tiết của từng môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc.

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề để xác định chương trình dạy nghề.

**Điều 13.** Quy trình xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề

Ban chủ nhiệm xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề (sau đây gọi là Ban chủ nhiệm) thành lập theo quy định tại phụ lục 5. Ban chủ nhiệm tổ chức xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề theo Quy định này và quy trình sau:

## Bước 1: Chuẩn bị

1. Xây dựng đề cương tổng hợp và đề cương chi tiết đề án xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.

2. Tập huấn phương pháp, quy trình xây dựng cho các thành viên Ban chủ nhiệm đề án xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.

Bước 2: Thiết kế CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề

1. Lựa chọn các nhiệm vụ và công việc cần đưa vào CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.



Việc lựa chọn các nhiệm vụ và công việc được thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với những nghề chưa có tiêu chuẩn kỹ năng nghề được ban hành áp dụng thống nhất trong toàn quốc: Cần phải xác định tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề (theo phụ lục số 6), để làm cơ sở lựa chọn các nhiệm vụ và công việc cần đưa vào CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.

b) Đối với các nghề đã có tiêu chuẩn kỹ năng nghề được ban hành áp dụng thống nhất trong toàn quốc: Phải nghiên cứu bản phân tích nghề, phân tích công việc (để bổ sung những công việc mới) và căn cứ vào tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề để làm cơ sở lựa chọn các nhiệm vụ và công việc cần đưa vào CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.

2. Sắp xếp kiến thức, kỹ năng nghề đã được lựa chọn theo cấp trình độ đào tạo (theo mẫu tại phụ lục 7).

3. Xác định mức độ quan trọng của các kiến thức, kỹ năng đã được lựa chọn theo cấp trình độ đào tạo: Bắt buộc phải học - Cần học - Nên học.

4. Trên cơ sở của kết quả nói trên và nghiên cứu tham khảo cấu trúc chương trình tương ứng của nước ngoài (nếu có) để soạn thảo cấu trúc CTKTĐTCN,

CTKTĐCĐN cho từng nghề.

5. Lập sơ đồ các mối quan hệ giữa các mô-đun/môn học với các nhiệm vụ và công việc (theo mẫu tại phụ lục 8).

6. Lập sơ đồ quan hệ giữa các mô-đun/môn học với nhau (theo phụ lục 9).

7. Xác định yêu cầu và cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

8. Tổng hợp, hoàn chỉnh cấu trúc CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.

Bước 3: Biên soạn CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề

Biên soạn CTKTĐTCN theo Mẫu định dạng tại phụ lục 10 và biên soạn CTKTĐCĐN theo Mẫu định dạng tại phụ lục 11.

1. Xác định mục tiêu đào tạo.

2. Xác định thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu.

3. Danh mục các môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc; thời gian và phân bổ thời gian, đề cương chi tiết của từng môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc:

a) Xác định danh mục các môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc; thời gian và phân bổ thời gian của từng môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc.

b) Xây dựng đề cương chi tiết của



từng chương trình môn học bắt buộc theo mẫu quy định tại phụ lục 12 và xây dựng đề cương chi tiết của từng chương trình mô-đun bắt buộc theo mẫu quy định tại phụ lục 13.

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề để xác định các chương trình dạy nghề cụ thể.

Trong quá trình biên soạn cần tham khảo chương trình đào tạo của nước ngoài (nếu có).

**Bước 4: Hoàn thiện dự thảo CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề**

1. Xin ý kiến 15 – 20 chuyên gia là giáo viên giỏi của các trường có cùng nghề đào tạo để bổ sung, hoàn thiện dự thảo.

2. Tổ chức Hội thảo 40 – 50 chuyên gia (gồm đại diện các chuyên gia kỹ thuật của doanh nghiệp, các nhà quản lý, nghiên cứu và giáo viên dạy nghề).

3. Hoàn thiện dự thảo CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.

**Bước 5: Bảo vệ CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề**

1. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.

2. Ban chủ nhiệm bảo vệ CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề trước Hội đồng thẩm định.

3. Giao nộp Tổng cục Dạy nghề CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề đã hoàn chỉnh.

**Điều 14.** Quy trình tổ chức thẩm định CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề

Hội đồng thẩm định CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định) thành lập theo quy định tại phụ lục 14. Hội đồng thẩm định phải tuân thủ Quy định này và tổ chức thẩm định theo quy trình sau:

**Bước 1: Chuẩn bị**

1. Lập kế hoạch thẩm định.

2. Các thành viên Hội đồng thẩm định nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá mặt được, mặt chưa được của dự thảo CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề và gửi Chủ tịch Hội đồng thẩm định và làm cơ sở để tham gia ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng thẩm định.

3. Thông báo cho Ban Chủ nhiệm xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề biết về thời gian, địa điểm và nội dung cần báo cáo trước Hội đồng thẩm định.

**Bước 2: Tổ chức thẩm định**

1. Báo cáo của Ban Chủ nhiệm xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.



2. Các thành viên của Hội đồng thẩm định thảo luận, đánh giá công khai về bản dự thảo CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề. Trong quá trình họp thẩm định, Ban chủ nhiệm xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề có trách nhiệm giải đáp các câu hỏi của thành viên Hội đồng thẩm định.

3. Các thành viên của Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đánh giá chất lượng của dự thảo CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề theo 3 mức: Đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay; đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa trước khi đề nghị ban hành; chưa đạt yêu cầu phải xây dựng lại (theo quy định tại phụ lục 15).

4. Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổng hợp các ý kiến đánh giá của các thành viên Hội đồng và kết luận về chất lượng của dự thảo CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề đã được xây dựng theo 03 mức quy định tại điểm 3 của bước này.

#### Bước 3: Báo cáo kết quả thẩm định

Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo Tổng cục Dạy nghề kết quả thẩm định CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề (kèm theo biên bản thẩm định) để Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề trình Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định.

#### **Điều 15.** Ban hành CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề

1. Tổng cục Dạy nghề hoàn chỉnh hồ sơ kèm theo dự thảo CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề, chương trình các môn học chung và kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét và quyết định ban hành CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề và chương trình các môn học chung để áp dụng thống nhất trong toàn quốc.

**Điều 16.** Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các trường căn cứ vào CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề để tổ chức xác định, thẩm định và duyệt chương trình dạy nghề áp dụng cho trường mình.

2. Tổ chức kiểm tra, phối hợp với thanh tra dạy nghề các cấp tiến hành thanh tra việc thực hiện CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề và chương trình dạy nghề.

**Điều 17.** Trách nhiệm của Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng

1. Căn cứ vào CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề đã ban hành để xác định, tổ chức thẩm định, duyệt chương trình

dạy nghề cho từng nghề của trường mình.

2. Tổ chức biên soạn, thẩm định, duyệt giáo trình và phát triển các học liệu dạy nghề khác./.

**BỘ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Hằng



## Phụ lục 1

**PHÂN BỐ THỜI GIAN ĐÀO TẠO CỦA KHÓA HỌC TRONG CTKTĐTCN**  
*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007*  
*của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

SỐ TT	CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHÓA HỌC	PHÂN BỐ THỜI GIAN TRONG CÁC KHÓA HỌC	
	Khóa học	1 năm học	2 năm học
1	Tổng thời gian học tập	47T	90T
1.1	Thực học	44T	83T
1.2	Ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp	3T	7T
2	Tổng thời gian các hoạt động chung	5T	14T
2.1	Khai bẻ giảng, sơ tổng kết và nghỉ hè, nghỉ tết	4T	12T
2.2	Lao động, dự phòng, v.v	1T	2T
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>52T</b>	<b>104T</b>

Quy định về đơn vị thời gian và quy đổi thời gian trong CTKTĐTCN:

1. Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo được tính bằng tuần và giờ học.

2. Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được quy đổi như sau:

- Một giờ học thực hành là 60 phút;  
 một giờ học lý thuyết là 45 phút;

- Một ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô đun không quá 8 giờ học;

- Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học;

3. Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết;

4. Mỗi năm học được chia làm 2 học kỳ, học kỳ ngắn nhất là 19 tuần;

## Phụ lục 2

**THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU CỦA KHÓA HỌC TRONG CTKTĐTCN  
ĐỐI VỚI HỆ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

SỐ TT	NỘI DUNG	Số giờ học (Khóa 1 năm học)	Số giờ học (Khóa 2 năm học)
I	Các môn học chung	210h	210h
1	Chính trị	30h	30h
2	Pháp luật	15h	15h
3	Giáo dục thể chất	30h	30h
4	Giáo dục quốc phòng	45h	45h
5	Tin học	30h	30h
6	Ngoại ngữ	60h	60h
II	Các môn học, mô-đun đào tạo nghề	1200h	2340h
<b>TỔNG CỘNG</b>		1410h	2550h



## Phụ lục 3

**PHÂN BỐ THỜI GIAN ĐÀO TẠO CỦA KHÓA HỌC TRONG CTKTĐCĐN**  
*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007*  
*của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

SỐ TT	CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHÓA HỌC	PHÂN BỐ THỜI GIAN TRONG CÁC KHÓA HỌC	
	Khóa học	2 năm học	3 năm học
1	Tổng thời gian học tập	90T	131T
1.1	Thực học	83T	121T
1.2	Ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp	7T	10T
2	Tổng thời gian các hoạt động chung	14T	25T
2.1	Khai bế giảng, sơ tổng kết và nghỉ hè, nghỉ tết	12T	22T
2.2	Lao động, dự phòng, v.v	2T	3T
<b>TỔNG CỘNG</b>		104T	156T

Quy định về đơn vị thời gian và quy đổi thời gian trong CTKTĐCĐN theo quy định tại phụ lục 1.

## Phụ lục 4

**THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU CỦA KHÓA HỌC TRONG CTKTĐCĐN  
ĐỐI VỚI HỆ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

SỐ TT	NỘI DUNG	Số giờ học (Khóa 2 năm học)	Số giờ học (Khóa 3 năm học)
I	Các môn học chung	450	450
1	Môn Chính trị	90	90
2	Môn Pháp luật	30h	30h
3	Môn Giáo dục thể chất	60h	60h
4	Môn Giáo dục quốc phòng	75h	75h
5	Môn Tin học	75h	75h
6	Môn Ngoại ngữ	120h	120h
II	Các môn học, mô-đun đào tạo nghề	2205h	3300h
<b>TỔNG CỘNG</b>		2655h	3750h



## Phụ lục 5

**QUY ĐỊNH VỀ BAN CHỦ NHIỆM XÂY DỰNG CTKTĐTCN,  
CTKTĐCĐN CHO TỪNG NGHỀ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

1. Khi xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho mỗi nghề phải thành lập một Ban chủ nhiệm.

2. Ban chủ nhiệm xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề do Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề thành lập trên cơ sở đề xuất của cơ quan chức năng quản lý dạy nghề của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và các sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Cơ cấu thành phần của Ban chủ nhiệm.

- Cơ cấu thành phần của Ban chủ nhiệm bao gồm các nhà giáo, cán bộ quản lý dạy nghề, cán bộ khoa học kỹ thuật trong các doanh nghiệp. Ban chủ nhiệm có ít nhất một phần ba tổng số thành viên là nhà giáo đang giảng dạy ở cấp trình độ đào tạo nghề tương ứng;

- Ban chủ nhiệm gồm: Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên thư ký và các ủy viên;

- Số lượng thành viên Ban chủ nhiệm có 7 - 9 người, tùy theo khối lượng công

việc của CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề cần xây dựng.

4. Tiêu chuẩn của thành viên Ban chủ nhiệm.

- Có trình độ đại học trở lên;

- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động trong lĩnh vực của nghề cần xây dựng;

- Có uy tín trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý, giảng dạy trong lĩnh vực của nghề cần xây dựng.

5. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban chủ nhiệm.

- Ban chủ nhiệm tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức xây dựng chương trình khung;

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình phải tuân thủ các quy định về CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN và quy trình xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề;

- Ban chủ nhiệm ký kết hợp đồng xây dựng chương trình khung, trực tiếp điều hành và tổ chức các hoạt động xây dựng



CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề; thiện Dự thảo; giao nộp CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho Tổng cục Dạy nghề sau khi đã được Hội đồng thẩm định đánh giá đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay.

- Ban chủ nhiệm chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng của CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho nghề được giao; Báo cáo trước Hội đồng thẩm định và hoàn

## Phụ lục 6

## XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

## 1. Chuẩn bị

1.1. Nghiên cứu, khảo sát và xác định nhu cầu xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề;

1.2. Tập huấn phương pháp, quy trình xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề.

## 2. Phân tích nghề.

2.1. Lựa chọn thành viên cho Tiểu ban phân tích nghề.

Tiểu ban phân tích nghề (Tiểu ban DACUM) có khoảng 15 - 20 thành viên, trong đó có 10 - 15 chuyên gia kỹ thuật, công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm về nghề cần được phân tích, được lựa chọn từ các doanh nghiệp có qui mô lớn, vừa và nhỏ (trong đó tối thiểu 5 cán bộ kỹ thuật trực tiếp quản lý sản xuất).

2.2. Tập huấn phương pháp khảo sát, phương pháp phân tích nghề, phân tích công việc cho các thành viên của Tiểu ban phân tích nghề.

## 2.3. Phân tích nghề.

Phân tích nghề được thực hiện theo phương pháp khảo sát quy trình sản xuất, kinh doanh hoặc Hội thảo phân tích nghề hoặc kết hợp các phương pháp trên.

2.3.1. Khảo sát quy trình sản xuất, kinh doanh để phân tích nghề, phân tích công việc tại các doanh nghiệp.

## 2.3.2. Hội thảo phân tích nghề

- Tiểu ban phân tích nghề sẽ làm việc dưới sự điều hành của Ban chủ nhiệm xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề;

- Triển khai Hội thảo phân tích nghề;

- Trong thời gian Hội thảo phân tích nghề có thể bố trí một số các quan sát viên là lãnh đạo và giáo viên của trường, các thành viên Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình có nhiệm vụ quan sát toàn bộ hoặc một phần của Hội thảo.

## 2.4. Xây dựng sơ đồ phân tích nghề.

- Trên cơ sở kết quả phân tích, dự thảo sơ đồ phân tích nghề (theo phụ lục 6.1), lấy ý kiến ít nhất 30 chuyên gia.

- Tham khảo sơ đồ phân tích nghề của nước ngoài (nếu có);

- Hoàn chỉnh dự thảo sơ đồ phân tích nghề.

## 3. Phân tích công việc

3.1. Hội thảo phân tích công việc (Thành phần gồm các thành viên của



tiểu ban phân tích nghề và thành viên của Ban chủ nhiệm xây dựng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề). Hội thảo triển khai việc phân tích công việc thành các bước, tiêu chuẩn thực hiện, vật liệu, trang thiết bị, kiến thức, kỹ năng cần thiết.

3.2. Xây dựng Bản phân tích công việc (theo mẫu phiếu tại phụ lục 6.2).

Trên cơ sở kết quả phân tích công việc, dự thảo Bản phân tích công việc, lấy ý kiến ít nhất 30 chuyên gia và nghiên cứu tham khảo tài liệu của nước ngoài (nếu có), xây dựng và hoàn chỉnh dự thảo Bản phân tích công việc.

4. Xác định danh mục các công việc theo các cấp trình độ nghề (theo mẫu tại phụ lục 6.3)

4.1. Sắp xếp các công việc vào các cấp trình độ nghề.

4.2. Tổ chức lấy ý kiến tối thiểu 30 chuyên gia kỹ thuật.

4.3. Hoàn chỉnh bản danh mục các công việc theo các cấp trình độ nghề.

5. Biên soạn tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề

5.1. Căn cứ vào danh mục các công việc theo các cấp trình độ, biên soạn tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề (theo Mẫu định dạng tại phụ lục 9).

5.2. Tổ chức lấy ý kiến tối thiểu 30 chuyên gia kỹ thuật.

5.3. Hoàn chỉnh dự thảo Tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề.

5.4. Tổ chức Hội thảo (Thành phần tham gia Hội thảo gồm các chuyên gia kỹ thuật của doanh nghiệp, các nhà quản lý nghiên cứu và giáo viên dạy nghề).

5.5. Hoàn chỉnh bản dự thảo Tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề.

6. Thông qua Tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề.

6.1. Hoàn chỉnh hồ sơ, dự thảo Tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề.

6.2. Thông qua Tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề trước Hội đồng thẩm định CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN.

6.3. Hoàn chỉnh giao nộp Tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề.

## Phụ lục 6.1

## SƠ ĐỒ PHÂN TÍCH NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: .....

Mã số nghề: .....

Mô tả nghề: (Trong phần này xác định phạm vi của nghề gồm: các nhiệm vụ chính cần thực hiện, các vị trí làm việc và trang thiết bị chủ yếu trong hoạt động của nghề).....

.....

CÁC NHIỆM VỤ	CÁC CÔNG VIỆC							
	A1-.....	A2-.....	A3-.....	A4-.....	A5-.....	A6-.....	A7-.....	A8-.....
A-.....	B1-.....	B2-.....	B3-.....	B4-.....	B5-.....	B6-.....	B7-.....	B8-.....
B-.....	C1-.....	C2-.....	C3-.....	C4-.....	C5-.....	C6-.....	C7-.....	.....
C-.....	D1-.....	D2-.....	D3-.....	D4-.....	D5-.....	.....	.....	.....
D-.....								



## Phụ lục 6.2

**BẢNG PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC**

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên công việc: .....

Mã số công việc: .....

**1. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC**

(Trong phần này ghi khái quát về công việc và các bước thực hiện công việc;  
ghi rõ, ngắn gọn và bắt đầu bằng một từ chỉ hành động)

.....  
.....

**2. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC**

(Trong phần này nêu rõ mức độ kiến thức cần có để thực hiện công việc như  
nêu được, phân biệt được, trình bày được, so sánh được, mô tả được...)

.....  
.....

**3. TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC**

(Trong phần này ghi rõ các đặc tính sản phẩm như: độ chính xác, hình dáng,  
thẩm mỹ... hoặc các yêu cầu về chất lượng sản phẩm; thái độ nghề nghiệp cần có  
thời gian thực hiện nếu thấy cần thiết và có thể được...)

.....  
.....

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

(Trong phần này nêu rõ tính chất, dấu hiệu thể hiện kỹ năng làm căn cứ đánh giá  
tiêu chuẩn thực hiện)

.....  
.....

## Phụ lục 6.3

**DANH MỤC CÁC CÔNG VIỆC THEO CẤP TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**  
*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007*  
*của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Tên nghề: .....

Mã số nghề:.....

SỐ TT	MÃ SỐ CÔNG VIỆC	CÔNG VIỆC	TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ		
			SƠ CẤP NGHỀ	TRUNG CẤP NGHỀ	CAO ĐẲNG NGHỀ
	<b>A</b>				
1	A1		x		
2	A2			x	
3	A3		x		
4	A4			x	
5	A5				x
6	A6				x
	<b>B</b>				
7	B1		x		
8	B2			x	
9	B3		x		
10	B4			x	
11	B5				x
	<b>C</b>				
12	C1		x		
13	C2			x	
14	C3				x
...	.....				x



## Phụ lục 6.4

## TIÊU CHUẨN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: .....

Ví dụ: Cắt gọt kim loại

Tên công việc: .....

Ví dụ: Tiện trục

Mã số công việc: .....

Ví dụ: B5

Mô tả công việc: .....

(Trong phần này ghi khái quát về công việc và các bước chính thực hiện công việc đó, ghi rõ, ngắn gọn và bắt đầu bằng một động từ chỉ hành động)

Ví dụ: Mô tả công việc tiện trục bậc

- Chuẩn bị máy, kiểm tra chất lượng và độ an toàn của máy; chuẩn bị phôi và dụng cụ gá đặt phôi;

- Tiện mặt đầu và đường kính ngoài: Cắt thử; phân lượng dư; chọn chế độ cắt; cắt thô và cắt tinh cho từng bậc; kiểm tra đường kính ngoài, chiều dài chi tiết và độ không đồng tâm giữa các trục bậc bằng thước cặp, panme, đồng hồ số,...;

- Vệ sinh, bảo dưỡng máy và dụng cụ sau khi gia công.

## I. TIÊU CHUẨN KIẾN THỨC

(Trong phần này nêu rõ mức độ kiến thức cần có để thực hiện công việc như: nêu được, phân biệt được, trình bày được, so sánh được, mô tả được...)

Ví dụ: Tiêu chuẩn kiến thức cho công việc tiện trục bậc

- Đọc được bản vẽ chi tiết;
- Trình bày được kỹ thuật đo đối với từng dụng cụ đo tương ứng với độ chính xác của bản vẽ;
- Mô tả được các dụng cụ đo có liên quan;
- Nêu được các bước và yêu cầu của các bước thực hiện tiện trục bậc.

## II. TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG

## 1. Điều kiện thực hiện công việc

(Trong phần này nêu rõ tất cả các tài liệu kỹ thuật như sổ tay, phiếu công nghệ, các thiết bị, công cụ, nguyên vật liệu và các yêu cầu khác cần có để thực hiện công việc; nêu rõ đặc tính kỹ thuật của một số trang thiết bị nếu cần thiết)

Ví dụ: Điều kiện thực hiện công việc tiện trục bậc

- Bản vẽ chi tiết;
- Phiếu công nghệ và sổ tay công nghệ;
- Thước cặp, pan me, đồng hồ số, calíp, các trang thiết bị theo yêu cầu...
- Phôi có độ dài đúng quy định;
- Máy tiện;
- Dao tiện đầu cong, dao tiện và các loại dụng cụ khác.

09691329

www.TrivienPhapLuat.com



## 2. Tiêu chuẩn thực hiện công việc

(Trong phần này ghi rõ các đặc tính sản phẩm như: độ chính xác, hình dáng, thẩm mỹ... hoặc các yêu cầu về chất lượng sản phẩm; thái độ nghề nghiệp cần có; thời gian thực hiện (nếu thấy cần thiết và có thể được...)

Ví dụ: Tiêu chuẩn thực hiện công việc tiện trục bậc

- Thực hiện đúng quy trình công nghệ;
- Gá đặt chi tiết đúng;

- Chi tiết đạt cấp chính xác 8-7; độ nhám Ra = 2.5mm, độ không đồng tâm giữa các trục bậc < 0.02mm;

- Vệ sinh bảo dưỡng máy đúng quy định;

- Thực hiện đúng quy định về an toàn lao động cho người, thiết bị và dụng cụ;

- Thời gian gia công đúng thời gian định mức ghi trong phiếu công nghệ.

## 3. Tiêu chí và cách thức đánh giá kỹ năng nghề

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
<p>(Trong phần này nêu rõ tính chất, dấu hiệu thể hiện kỹ năng làm căn cứ đánh giá tiêu chuẩn thực hiện)</p> <p>Ví dụ: Tiêu chí đánh giá đối với công việc tiện trục bậc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ chính xác của chi tiết gia công: ..... .....</li> <li>- Kỹ năng vận hành máy theo đúng quy trình công nghệ: ..... .....</li> <li>- An toàn cho người, thiết bị và dụng cụ: ..... .....</li> <li>- Thời gian thực hiện so với định mức thời gian:..... .....</li> </ul>	<p>(Trong phần này nêu rõ phương pháp, công cụ được sử dụng để đánh giá các tiêu chí theo các tiêu chuẩn thực hiện)</p> <p>Ví dụ: Cách thức đánh giá đối với công việc tiện trục bậc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát và so sánh với vật mẫu; sử dụng dụng cụ đo kiểm tra đối chiếu với tiêu chuẩn thực hiện;</li> <li>- Giám sát thao tác của người làm và đối chiếu với tiêu chuẩn được quy định trong quy trình công nghệ và phiếu công nghệ;</li> <li>- Theo dõi các thao tác của người làm và đối chiếu với tiêu chuẩn được quy định trong quy trình về kỹ thuật, an toàn lao động và bảo hộ lao động;</li> <li>- Theo dõi thời gian gia công thực tế và đối chiếu với thời gian được quy định trong phiếu công nghệ</li> </ul>



## Phụ lục 7

TỔNG HỢP KIẾN THỨC, KỸ NĂNG NGHỀ THEO CẤP TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO  
(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: .....

Mã số nghề:.....

TRÌNH ĐỘ	KIẾN THỨC, KỸ NĂNG NGHỀ
Sơ cấp nghề	- Kiến thức:..... - Kỹ năng:.....
Trung cấp nghề	- Kiến thức:..... - Kỹ năng:.....
Cao đẳng nghề	- Kiến thức:..... - Kỹ năng:.....

## Phụ lục 8

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ TRONG  
 CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN CHO TỪNG NGHỀ VỚI CÁC NHIỆM VỤ VÀ CÔNG VIỆC  
*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Tên nghề: .....

Mã số nghề:.....

MÃ MÔN HỌC/MÔĐUN	TÊN MÔN HỌC/MÔĐUN	MÃ CÁC NHIỆM VỤ VÀ CÔNG VIỆC CÓ LIÊN QUAN (theo sơ đồ phân tích nghề)

03691329



## Phụ lục 9

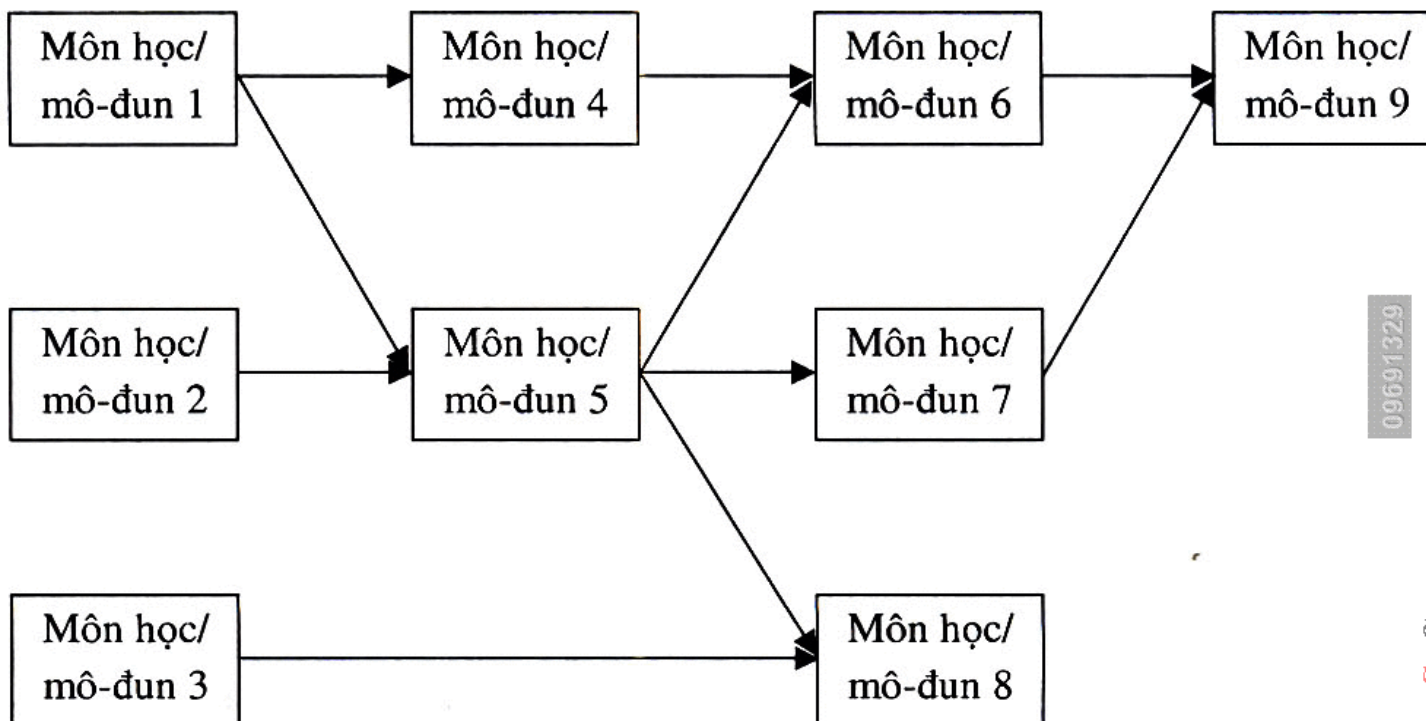
SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC VÀ MÔ-ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ  
TRONG CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN CHO TỪNG NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: .....

Mã số nghề:.....

(Sơ đồ mối liên hệ và trình tự học tập hợp lý giữa các môn học và mô-đun trong CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề - ví dụ minh họa)



## Phụ lục 10

## MẪU ĐỊNH DẠNG CTKTĐTCN CHO TỪNG NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

- Tên nghề:..... - Thời gian học các môn học chung bắt buộc:.....
- Mã nghề:.....
- Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề - Thời gian học các môn học, mô-đun đào tạo nghề:.....
- Đối tượng tuyển sinh:..... + Thời gian học bắt buộc:.....
- (Tốt nghiệp trung học cơ sở hay tốt nghiệp trung học phổ thông) Thời gian học tự chọn:.....
- Số lượng môn học, mô-đun đào tạo:.. + Thời gian học lý thuyết:.....
- Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề Thời gian học thực hành:.....
1. Mục tiêu đào tạo 2.3. Thời gian học các môn văn hóa trung học phổ thông (đối với hệ tuyển sinh trung học cơ sở):.....
- (Hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề và các yêu cầu giáo dục toàn diện mà học sinh phải đạt được sau khi tốt nghiệp) (Danh mục các môn học văn hóa trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp)
2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu
- 2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:
- Thời gian đào tạo (năm):.....
  - Thời gian học tập (tuần):.....
  - Thời gian thực học tối thiểu (giờ):...
  - Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi (giờ):.....;
- Trong đó thi tốt nghiệp:.....
- 2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:
3. Danh mục các môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc; thời gian và phân bổ thời gian, đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc
- 3.1. Danh mục các môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc; thời gian và phân bổ thời gian của từng môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc

0969119  
 www.ThuVienPhapLuat.com  
 Tel: +84-8-3845 6684  
 LawSoft



MÃ MÔN HỌC/ MÔ- ĐUN	TÊN MÔN HỌC, MÔ-ĐUN	THỜI GIAN ĐÀO TẠO		THỜI GIAN CỦA MÔN HỌC, MÔ-ĐUN (GIỜ)		
		NĂM HỌC	HỌC KỲ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ	
					LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
I	Các môn học chung theo quy định tại phụ lục 2. ..... ..... .....					
II	Các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc (Xác định từ kết quả của phân tích nghề ) ..... ..... ..... ..... .....					
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>X</b>	<b>X</b>			

3.2. Đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

- Đề cương chi tiết chương trình của các môn học nghề bắt buộc được xây dựng theo cấu trúc tại phụ lục 12;

- Đề cương chi tiết chương trình của các mô-đun đào tạo nghề bắt buộc được xây dựng theo cấu trúc tại phụ lục 13.

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐTCN cho từng nghề để xác định chương trình dạy nghề

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho từng môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và đề cương chi tiết chương trình cho từng môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn.

4.3. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn.

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô-đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp.

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện.

4.7. Các chú ý khác.



## Phụ lục 11

**MẪU ĐỊNH DẠNG CTKTĐCĐN CHO TỪNG NGHỀ**

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề:.....

Mã nghề:.....

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh:.....

Số lượng môn học, mô-đun đào tạo:..

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề

**1. Mục tiêu đào tạo**

(Hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề và các yêu cầu giáo dục toàn diện mà học sinh phải đạt được sau khi tốt nghiệp).

**2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:**

**2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:**

- Thời gian đào tạo (năm):.....

- Thời gian học tập (tuần):.....

- Thời gian thực học tối thiểu (giờ):...

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi (giờ):.....; Trong đó thi tốt nghiệp:.....

**2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:**

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc:.....

- Thời gian học các môn học, mô-đun đào tạo nghề:.....

+ Thời gian học bắt buộc:.....

Thời gian học tự chọn:.....

+ Thời gian học lý thuyết:.....

Thời gian học thực hành:.....

**3. Danh mục các môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc; thời gian và phân bổ thời gian, đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc**

**3.1. Danh mục các môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc; thời gian và phân bổ thời gian của từng môn học, mô-đun đào tạo bắt buộc**

MÃ MÔN HỌC/ MÔ- ĐUN	TÊN MÔN HỌC, MÔ-ĐUN	THỜI GIAN ĐÀO TẠO		THỜI GIAN CỦA MÔN HỌC, MÔ-ĐUN (GIỜ)		
		NĂM HỌC	HỌC KỲ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ	
					LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
I	Các môn học chung theo quy định tại phụ lục 4.					
	.....					
	.....					
	.....					
	.....					
	.....					
II	Các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc (Xác định từ kết quả của phân tích nghề )					
	.....					
	.....					
	.....					
	.....					
	.....					
	.....					
	.....					
	.....					
	.....					
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>X</b>	<b>X</b>			

3.2. Đề cương chi tiết chương trình của từng môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc

- Đề cương chi tiết chương trình của các môn học nghề bắt buộc được xây dựng theo cấu trúc tại phụ lục 12;

- Đề cương chi tiết chương trình của các mô-đun đào tạo nghề bắt buộc được xây dựng theo cấu trúc tại phụ lục 13.

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐCĐN cho từng nghề để xác định chương trình dạy nghề



4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho từng môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và đề cương chi tiết chương trình cho từng môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn.

4.3. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề bắt buộc.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô-đun đào tạo nghề tự chọn.

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học, mô-đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp.

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện.

4.7. Các chú ý khác.

## Phụ lục 12

## CẤU TRÚC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

- Tên môn học: .....; Mã số của môn học: .....
- Thời gian môn học:.....; Lý thuyết: .....; Thực hành:.....
- Vị trí, tính chất của môn học: .....
- Mục tiêu của môn học: .....
- Nội dung của môn học: (xác định các nội dung chính về kiến thức, kỹ năng thái độ nghề mà học sinh phải học) .....
- Điều kiện thực hiện môn học: (máy móc trang thiết bị, công cụ, nguyên vật liệu, học liệu và các nguồn lực khác) .....
- Phương pháp và nội dung đánh giá: .....
- Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: .....



## Phụ lục 13

**CẤU TRÚC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH  
MÔ-ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

- Tên mô-đun:.....; Mã số của mô-đun:.....
- Thời gian của mô-đun: ..... ; Lý thuyết:.....; Thực hành:.....
- Vị trí, tính chất của mô-đun: .....
- Mục tiêu của mô-đun: (các công việc người học nghề có khả năng làm được sau khi học xong mô-đun) .....
- Nội dung của mô-đun: (xác định các nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề mà học sinh phải học) .....
- Điều kiện thực hiện mô-đun: (Máy móc, trang thiết bị, công cụ, nguyên vật liệu, học liệu và các nguồn lực khác) .....
- Kiểm tra đánh giá trước, trong và sau khi thực hiện mô-đun: .....
- Hướng dẫn thực hiện chương trình mô-đun:.....

## Phụ lục 14

**QUY ĐỊNH VỀ HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CTKTĐTCN,  
CTKTĐCĐN CHO TỪNG NGHỀ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Hội đồng thẩm định CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập.

1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thẩm định.

a) Chức năng: Hội đồng thẩm định là tổ chức tư vấn về chuyên môn giúp Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc thẩm định CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.

b) Nhiệm vụ: Nghiên cứu đánh giá chất lượng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề; lập báo cáo kết quả thẩm định gửi Tổng cục Dạy nghề để trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định.

c) Quyền hạn, trách nhiệm: Nhận xét, đánh giá chất lượng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề; chịu trách nhiệm về chất lượng thẩm định; kiến nghị về việc ban hành CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề.

2. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng thẩm định

- Cơ cấu thành phần của Hội đồng thẩm định bao gồm các nhà giáo, cán bộ quản lý dạy nghề, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp. Hội đồng thẩm định phải có ít nhất một phần ba tổng số thành viên là nhà giáo đang giảng dạy ở cấp trình độ đào tạo nghề tương ứng.

- Thành phần của Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên thư ký và các ủy viên.

- Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định 7 - 9 người, tùy theo khối lượng công việc của CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề cần thẩm định.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định

- Có trình độ đại học trở lên;
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý hoặc giảng dạy trong lĩnh vực của nghề cần thẩm định;
- Có uy tín trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý hoặc giảng dạy của nghề cần thẩm định.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng thẩm định



- Hội đồng thẩm định làm việc dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng;

- Phiên họp của Hội đồng thẩm định phải đảm bảo có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng thẩm định thì mới họp lệ;

- Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, từng thành viên trong Hội đồng có ý kiến phân tích, đánh giá công khai mặt được, mặt chưa được đối với CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề. Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định theo đa số ý kiến đánh giá của các thành viên

Hội đồng và là ý kiến chính thức của Hội đồng;

- Biên bản cuộc họp của Hội đồng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng. Các ý kiến khác với kết luận của Chủ tịch Hội đồng được bảo lưu và gửi Tổng cục Dạy nghề;

- CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN cho từng nghề cần thẩm định được đánh giá theo 3 mức: Đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay; đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa trước khi đề nghị ban hành, chưa đạt yêu cầu phải xây dựng lại.

## Phụ lục 15

**CÁC TIÊU CHÍ VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG  
CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN CHO TỪNG NGHỀ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

SỐ TT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG
		Đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay	Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa	Chưa đạt yêu cầu phải xây dựng lại	
A	Tính chuẩn xác của CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN				
1	Sơ đồ phân tích nghề thể hiện đầy đủ các nhiệm vụ và công việc cần có của nghề				09691329
2	Có đầy đủ thông tin các mục và theo đúng mẫu định dạng CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN				
3	Thông tin trong từng mục được viết đúng cách thức quy định như mẫu và hướng dẫn đã cung cấp				
4*	Nội dung đào tạo trong CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN xuất phát từ kết quả phân tích nghề, phân tích công việc, tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề và có tính tới xu thế phát triển của nghề trong tương lai.				



SỐ TT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG
		Đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay	Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa	Chưa đạt yêu cầu phải xây dựng lại	
5	Các thông tin trong CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN chuẩn xác về mặt chuyên môn				
6	Sử dụng thuật ngữ nhất quán trong toàn bộ CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN				
7*	Các môn học được hình thành dựa trên việc phân loại và nhóm các kiến thức theo logic khoa học và logic nhận thức				
8*	Các mô đun được hình thành dựa trên việc tích hợp các kiến thức, kỹ năng theo logic hành nghề				
B	Về cấu trúc CTKTĐTCN, CTKTĐCĐN				
9*	Nội dung “Mục tiêu đào tạo” nêu rõ những năng lực hành nghề chủ yếu học viên phải đạt được sau khi tốt nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo				
10*	Thời gian thực học tối thiểu và phân bổ thời gian thực học tối thiểu đúng quy định				
11	Các môn học chung, các môn văn hóa trung học phổ thông				

SỐ TT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHỈNH SỬA VÀ BỘ SUNG
		Đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay	Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa	Chưa đạt yêu cầu phải xây dựng lại	
	(nếu có) bắt buộc theo đúng quy định				
12*	Cơ cấu và số lượng các môn học, mô-đun trong CTKTDTCN, CTKTĐCDN đủ để thực hiện “Mục tiêu đào tạo” đã đề ra				
13*	Phần “Hướng dẫn sử dụng CTKTDTCN, CTKTĐCDN” đủ để các cơ sở dạy nghề xác định chương trình dạy nghề				
14	Sơ đồ mối liên hệ cốt lõi giữa các mô-đun và môn học trong CTKTDTCN, CTKTĐCDN theo đúng logic nhận thức, lôgic hành nghề, lô gích sư phạm				
C	Về “Đề cương chi tiết của các môn học, mô-đun bắt buộc”				
15*	Có đủ đề cương chi tiết của các môn học, mô-đun bắt buộc đã nêu trong phần “Danh mục, thời lượng của các môn học và mô-đun bắt buộc”				
16*	Phần “Mục tiêu môn học/mô-đun” có nêu được khái quát những năng lực chính học viên phải đạt được khi học xong môn học/mô-đun				



SỐ TT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG
		Đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay	Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa	Chưa đạt yêu cầu phải xây dựng lại	
17*	Đề cương nội dung và điều kiện thực hiện của môn học/mô-đun có đủ để đạt được “Mục tiêu môn học/mô-đun” đã viết				
18*	Phần “Phương pháp và nội dung đánh giá” đủ để đánh giá đúng “Mục tiêu của môn học/mô-đun” đã viết cho chương trình môn học/mô-đun				
19*	Phần “Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học/mô-đun” có đủ để xây dựng chương trình chi tiết của môn học/mô-đun				

**Ghi chú:**

1. Các tiêu chí có đánh dấu \* có ý nghĩa rất quan trọng đối với chất lượng chương trình khung đã biên soạn

2. Các mức độ đánh giá:

- Đạt yêu cầu: Không phải sửa chữa gì hoặc chỉ cần sửa chữa vài lỗi nhỏ về biên tập;

- Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa:

Phải sửa chữa một số lỗi về nội dung chuyên môn và biên tập, sau đó trình chủ tịch, phó chủ tịch và thư ký hội đồng xem xét, nếu thông qua được thì đạt yêu cầu đề nghị ban hành;

- Không đạt yêu cầu: Có nhiều lỗi về nội dung chuyên môn và biên tập, phải biên soạn lại để trình Hội đồng thẩm định lần thứ hai.